

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĂN YÊN  
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 15- 04-2022  
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI.**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Chu Thị Thoảng

***Các Hội thẩm nhân dân:***

Bà Trần Thị Bích Huệ

Ông Trần Hoài Sơn

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Tiến Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa:*** Ông Lương Xuân Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 04 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 03 năm 2022 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 04 năm 2022 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Chị Bùi Thị H, sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn N, xã X, huyện V, tỉnh Yên Bái (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

***2. Bị đơn:*** Anh Hà Văn T, sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn N, xã X, huyện V, tỉnh Yên Bái (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày: Tôi và anh Hà Văn T kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện. Đăng ký ngày 06/10/1995 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 05 năm đầu tiên. Đến tháng 12/2016 thì phát sinh mâu thuẫn căng thẳng và anh T đã đuổi tôi ra khỏi nhà nên tôi và các con đã phải đi ở nhà thuê. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T thường xuyên uống rượu say đánh đập và đuổi tôi ra khỏi nhà nhiều lần. Chúng tôi đã sống ly thân nhau từ thời gian đó cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng

không còn gì nữa. Không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh T.

Về con chung: Có 03 cháu: Hà Việt T, sinh ngày 21/12/1995; Hà Nữ N, sinh ngày 13/08/2001; Hà Huyền M, sinh ngày 08/01/2011. Cháu Hà Việt T và cháu Hà Nữ N đã trưởng thành tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn tôi nhận nuôi cháu Hà Huyền M và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

\* Tại bản tự khai bị đơn anh Hà Văn T trình bày: Tôi và chị Bùi Thị H kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện. Đăng ký ngày 06/10/1995 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 12/2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng sống với nhau không còn hòa hợp, quan điểm sống không đồng nhất. Từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra hay cãi cọ nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 12/2016 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa. Chị H xin ly hôn. Tôi đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 03 cháu: Hà Việt T, sinh ngày 21/12/1995; Hà Nữ N, sinh ngày 13/08/2001; Hà Huyền M, sinh ngày 08/01/2011. Cháu Hà Việt T và cháu Hà Nữ N đã trưởng thành tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn chị H nhận nuôi cháu Hà Huyền M và không yêu cầu tôi cấp dưỡng nuôi con. Tôi đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Hà Văn T. Áp dụng điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình xử giao cháu Hà Huyền M cho chị Bùi Thị H nuôi dưỡng. Anh Hà Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Hà Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 06 tháng 10 năm 1995 là hôn nhân hợp pháp. Chị H và anh T cho rằng

sau khi khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 12/2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không còn hòa hợp với nhau nữa nên tình cảm vợ chồng không còn và đã sống ly thân nhau từ tháng 12/2016 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Chị H xin ly hôn, anh T đồng ý ly hôn.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Đã xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Chị H và anh T hiện nay đã sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai nữa. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho chị H được ly hôn anh T là có căn cứ.

[4] Về con chung: Có 03 cháu: Hà Việt T, sinh ngày 21/12/1995; Hà Nữ N, sinh ngày 13/08/2001; Hà Huyền M, sinh ngày 08/01/2011. Cháu Hà Việt T và cháu Hà Nữ N đã trưởng thành chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay cháu M đang ở cùng chị H. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu M được ổn định, đầy đủ và theo nguyện vọng của cháu. Do vậy cần giao cháu Hà Huyền M cho chị Bùi Thị H nuôi dưỡng. Anh Hà Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điều 56; 57; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 điều 147; khoản 1 Điều 228; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Hà Văn T.

2. Về con chung: Xử giao cháu Hà Huyền M, sinh ngày 08/01/2011 cho chị Bùi Thị H trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu M đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Anh Hà Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000đồng tiền án dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2021/0001416 ngày 03 tháng 03 năm 2022 tại Thi hành án dân sự huyện V. Xác nhận chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã X.
- Lưu HS-TQĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Chu Thị Thoảng**